

Số: 1132 /QĐ-CATP-PTM

Cần Thơ, ngày 26 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an thành phố

GIÁM ĐỐC CÔNG AN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;


Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BCA ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tham mưu tại Tờ trình số 447/TTr-PTM-Đ6 ngày 23 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an thành phố (có Danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2401/QĐ-CATP-PV01 ngày 16/10/2025 của Giám đốc Công an thành phố ban hành Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an thành phố.

Điều 3. Trưởng Công an các đơn vị, Trưởng Công an các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

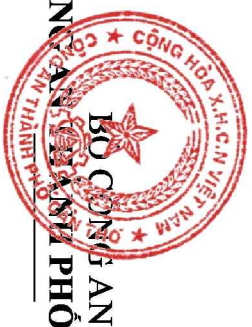
Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để th/h);
- Đ/c Giám đốc CATP (để báo cáo);
- Các đ/c PGĐ Giám đốc (để ph/h chỉ đạo);
- Lưu: VT, PTM(Đ6).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đại tá Nguyễn Thanh Bình



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BỘ CÔNG AN
CÁN BỘ AN TÀI AN PHỔ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC

Thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an thành phố
(Kèm theo Quyết định số 1.32.../QĐ-CATP-PTM ngày . 26 tháng 6 năm 2026 của Giám đốc Công an thành phố Cần Thơ)

| Stt | Lĩnh vực | Thời gian giải quyết TTHC theo quy định (ngày làm việc) | Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm (ngày làm việc) | Đơn vị thực hiện | Ghi chú |
|-----|--|---|--|------------------------------|---------|
| A | CÁC ĐƠN VỊ CẤP PHÒNG: 41 thủ tục | | | | |
| I | Lĩnh vực quản lý xuất nhập cảnh(tạp dụng đối với các trường hợp không cần xin ý kiến của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an và hồ sơ không có vướng mắc) | | | | |
| 1 | Gia hạn tạm trú cho người đã được cấp Giấy miễn thị thực | 05 ngày | 04 ngày | Phòng Quản lý xuất nhập cảnh | |
| 2 | Gia hạn tạm trú cho người nước ngoài | 05 ngày | 04 ngày | Phòng Quản lý xuất nhập cảnh | |
| 3 | Cấp thị thực cho người nước ngoài | 05 ngày | 04 ngày | Phòng Quản lý xuất nhập cảnh | |
| II | Lĩnh vực quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ | | | | |
| 4 | Cấp Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng | 07 ngày | 06 ngày | Phòng Cảnh sát quản lý | |
| 5 | Cấp lại Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng | 07 ngày | 06 ngày | Phòng Cảnh sát quản lý | |

| | | | | | | |
|----|----|---|---------|----------|------------------------------------|--|
| 6 | 3 | Cấp Giấy phép sử dụng vũ khí thể thao | 07 ngày | 06 ngày | hành chính về trật tự xã hội | |
| 7 | 4 | Cấp lại Giấy phép sử dụng vũ khí thể thao | 07 ngày | 06 ngày | | |
| 8 | 5 | Cấp Giấy phép trang bị công cụ hỗ trợ | 03 ngày | 2,5 ngày | | |
| 9 | 6 | Cấp Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ | 07 ngày | 06 ngày | | |
| 10 | 7 | Cấp lại Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ | 07 ngày | 06 ngày | | |
| 11 | 8 | Cấp giấy phép vận chuyển công cụ hỗ trợ | 03 ngày | 02 ngày | | |
| 12 | 9 | Cấp giấy phép trang bị vũ khí quân dụng | 03 ngày | 02 ngày | | |
| 13 | 10 | Đề nghị xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng được sử dụng để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật | 03 ngày | 02 ngày | | |
| 14 | 11 | Đề nghị làm mất tính năng, tác dụng và xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng được sử dụng để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật | 03 ngày | 02 ngày | | |
| 15 | 12 | Cấp Giấy phép trang bị, giấy phép sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật | 03 ngày | 02 ngày | | |
| 16 | 13 | Cấp Giấy phép sửa chữa công cụ hỗ trợ | 03 ngày | 02 ngày | | |
| 17 | 14 | Cấp Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ quân dụng | 03 ngày | 02 ngày | | |
| 18 | 15 | Cấp Giấy phép sửa chữa vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao | 03 ngày | 02 ngày | | |

| | | | | | | |
|----|------------|--|---------|---------|---|--|
| 19 | 16 | Cấp Giấy phép vận chuyển vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao | 03 ngày | 02 ngày | | |
| | III | Lĩnh vực quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự | | | | |
| 20 | 1 | Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự | 04 ngày | 03 ngày | Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội | |
| 21 | 2 | Cấp đổi giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT | 03 ngày | 02 ngày | | |
| | IV | Lĩnh vực cấp, quản lý căn cước | | | | |
| 22 | 1 | Khai thác thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư | 03 ngày | 02 ngày | Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội | |
| 23 | 2 | Khai thác thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu căn cước | 03 ngày | 02 ngày | | |
| 24 | 3 | Khai thác thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư | 03 ngày | 02 ngày | | |
| 25 | 4 | Khai thác thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu căn cước | 03 ngày | 02 ngày | | |
| 26 | 5 | Cấp thẻ căn cước cho người từ đủ 14 tuổi trở lên | 07 ngày | 06 ngày | | |
| 27 | 6 | Cấp thẻ căn cước cho người dưới 14 tuổi | 07 ngày | 06 ngày | | |
| 28 | 7 | Cấp đổi thẻ căn cước | 07 ngày | 06 ngày | | |

| | | | | | | |
|----|---|---|---|---|--|--|
| 29 | 8 | Cấp lại thẻ căn cước | 07 ngày | 06 ngày | | |
| | V | Lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy | | | | |
| 30 | 1 | Thẩm định thiết kế về phòng cháy chữa cháy | | | | |
| | - | Đối với công trình thuộc dự án không phân biệt nguồn vốn đầu tư đáp ứng tiêu chí phân loại dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A theo quy định của pháp luật về đầu tư công | 10 ngày | 08 ngày | | |
| | - | Đối với phương tiện giao thông và các công trình còn lại | 06 ngày | 05 ngày | | |
| 31 | 2 | Kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy | 10 ngày (05 ngày tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu; 05 ngày ban hành văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản trả lời, nêu rõ lý do) | 08 ngày (04 ngày tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu; 04 ngày ban hành văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản trả lời, nêu rõ lý do) | Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ | |

| | | | | | |
|----|---|---|---|---|--|
| 32 | 3 | Cấp Giấy phép Lưu thông phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ | 05 ngày | 4,5 ngày | |
| 33 | 4 | Phục hồi hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân | 07 ngày | 06 ngày | |
| 34 | 5 | Thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (trường hợp điều chỉnh thiết kế trong quá trình thi công đối với dự án đầu tư xây dựng công trình, công trình, phương tiện giao thông đã được cơ quan Công an cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy mà chưa được chấp thuận kết quả nghiệm thu) | | | |
| | - | Đối với hồ sơ thiết kế Kỹ thuật dự án, công trình quan trọng quốc gia, dự án công trình nhóm A | 10 ngày | 08 ngày | |
| | - | Đối với hồ sơ thiết kế Kỹ thuật dự án, công trình còn lại, phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy | 06 ngày | 05 ngày | |
| 35 | 6 | Nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy (đối với dự án đầu tư xây dựng công trình, công trình, phương tiện giao thông đã được cơ quan Công an cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy mà chưa được chấp thuận kết quả nghiệm thu) | 10 ngày (05 ngày tổ chức kiểm tra kết quả nghiệm thu; 05 ngày ban hành văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu) | 08 ngày (04 ngày tổ chức kiểm tra kết quả nghiệm thu; 04 ngày ban hành văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu) | |

| | | | | | | | |
|----|-------------|---|---------|--|---|--|--|
| | | | | hoặc văn bản trả lời, nêu rõ lý do | thu hoặc văn bản trả lời, nêu rõ lý do | | |
| 36 | 7 | Cấp Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy | 05 ngày | 4,5 ngày | | | |
| | VI | Lĩnh vực sát hạch, cấp Giấy phép lái xe | | | | | |
| 37 | 1 | Cấp Giấy phép lái xe | 07 ngày | 4,5 ngày | Phòng Cảnh sát giao thông | | |
| 38 | 2 | Đổi Giấy phép lái xe | 05 ngày | 3,5 ngày | | | |
| 39 | 3 | Cấp lại giấy phép lái xe | 05 ngày | 3,5 ngày | | | |
| | VIII | Lĩnh vực bảo đảm trật tự an toàn giao thông | | | | | |
| 40 | 1 | Cấp mới Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên | 02 ngày | 01 ngày | Phòng Cảnh sát giao thông | | |
| 41 | 2 | Cấp lại Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên | 02 ngày | 01 ngày | | | |
| | B | CÔNG AN CÁC XÃ, PHƯỜNG: 10 thủ tục | | | | | |
| | I | Lĩnh vực quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự | | | | | |
| 42 | 1 | Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự để kinh doanh một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện | 04 ngày | 03 ngày | Công an các xã, phường | | |
| 43 | 2 | Cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự để kinh doanh một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện | 03 ngày | 02 ngày | | | |



| | | | | | | | |
|------------|---|--|---------|---------|------------------------------|--|--|
| II | | Đăng ký, quản lý cư trú | | | | | |
| | 1 | Tách hộ | 05 ngày | 03 ngày | | | |
| | 2 | Xóa đăng ký thường trú | 05 ngày | 03 ngày | | | |
| | 3 | Gia hạn tạm trú | 03 ngày | 02 ngày | Công an các xã, phường | | |
| | 4 | Xóa đăng ký tạm trú | 03 ngày | 02 ngày | | | |
| | 5 | Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú | 03 ngày | 02 ngày | | | |
| III | | Lĩnh vực quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ | | | | | |
| | 1 | Khai báo vũ khí thô sơ là hiện vật trưng bày, triển lãm, làm đồ gia bảo | 03 ngày | 02 ngày | Công an các xã, phường | | |
| IV | | Lĩnh vực cấp, quản lý căn cước | | | | | |
| | 1 | Khai thác thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư | 03 ngày | 02 ngày | Công an các xã, phường | | |
| | 2 | Khai thác thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư | 03 ngày | 02 ngày | | | |

Tổng cộng: 51 thủ tục